



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 55

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|--|----|
| 14-10-2015- | Quyết định số 5119/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 16-10-2015- | Quyết định số 5210/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. | 16 |
| 19-10-2015- | Quyết định số 5264/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú (tại khu đất thuộc ô phố có ký hiệu V.10.2). | 25 |

- 20-10-2015- Chỉ thị số 17/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý đô thị trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020. 30
- 21-10-2015- Quyết định số 5338/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 37
- 21-10-2015- Quyết định số 5348/QĐ-UBND về duyệt Đề án “Thí điểm quảng cáo trên phương tiện giao thông (xe buýt) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. 54
- 22-10-2015- Quyết định số 5352/QĐ-BCH ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh. 63

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5119/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý
của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 5285/STP-KSTT ngày 05 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2015 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET				
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 1, Điều 8 Thông tư số 23/3013/TT-BTTTT; - Điều 1 Quyết định số 5671/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; - Điều 5 Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	
2.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Điều 9 Thông tư số 23/3013/TT-BTTTT; - Điều 1 của Quyết định số 5671/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	
3.	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện	- Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP;	Sở Thông tin và	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	hoạt động diêm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 23/3013/TT-BTTTT; - Điều 1 của Quyết định số 5671/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Truyền thông	
4.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động diêm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 4 Điều 10 của Thông tư số 23/3013/TT-BTTTT; - Điều 1 Quyết định số 5671/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	
5.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động diêm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	- Điều 35 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư số 23/3013/TT-BTTTT; - Điều 1 Quyết định số 5671/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	
II. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ				
6.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (TVRO)	- Khoản 3 Điều 6, Khoản 1 Điều 7 Quyết định 20/2011/QĐ-TTg; - Điều 1 Thông tư số 28/2011/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
7.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (TVRO)	- Điểm d Khoản 2 Điều 7 Quyết định 20/2011/QĐ-TTg; - Điều 1 Thông tư số 28/2011/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
8.	Thủ tục cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	- Khoản 8, Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Điều 6, Điều 7, Điều 10 Thông tư số 09/TT-BTTTT;	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
9.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	- Khoản 8, Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 8, Điều 10 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
10.	Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	- Khoản 8, Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 3, Điều 8, Điều 10 Thông tư số 09/TT-BTTTT;	Sở Thông tin và Truyền thông	
11.	Thủ tục cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	- Khoản 8, Khoản 9 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 4, Điều 8, Điều 10 Thông tư số 09/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
12.	Thủ tục báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trên mạng	- Khoản 10 Điều 24 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Điều 9, Điều 10 Thông tư số 09/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
13.	Thủ tục thông báo thời gian chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1	- Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
14.	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở chính nhưng vẫn trong cùng một tỉnh, thành phố, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1	- Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 5 Điều 16 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
15.	Thủ tục thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1	- Điều 32 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 7 Điều 16 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
16.	Thủ tục thông báo thời gian chính thức cung cấp	- Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP;	Sở Thông tin và	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	trò chơi điện tử trên mạng	- Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Truyền thông	
17.	Thủ tục thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	- Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 5 Điều 20 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
18.	Thủ tục thông báo thời gian chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi G2, G3, G4 trên mạng cho công cộng	- Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
19.	Thủ tục thông báo thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4)	- Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 5 Điều 25 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
20.	Thủ tục thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4	- Điều 33 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; - Khoản 7 Điều 25 Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
III. LĨNH VỰC BÁO CHÍ				
21.	Thủ tục cấp thẻ nhà báo	- Điểm d, Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ; - Mục II Thông tư số 07/2007/TT-BVHTT.	- Bộ Thông tin và Truyền thông; - Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
22.	Thủ tục nộp lại thẻ nhà báo	- Điểm d, Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ; - Điểm 8 Mục II Thông tư số 07/2007/TT-BVHTT.	- Bộ Thông tin và Truyền thông; - Sở Thông tin và Truyền thông	
23.	Thủ tục cấp phép họp báo	- Điều 26 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999 - Điều 19 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP.	Sở Thông tin và Truyền thông	
24.	Thủ tục cấp phép xuất bản bản tin	Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định số 53/2003/QĐ-BVHTT.	- Cục Báo chí; - Sở Thông tin và Truyền thông	
25.	Thủ tục cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí	- Khoản 3 Mục II Thông tư số 13/2008/TT-BTTTT; - Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quyết định số 28/2002/QĐ-BVHTT; - Điều 1 Thông tư số 21/2011/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
26.	Thủ tục đề nghị đăng tin, bài, phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương (nước ngoài)	- Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP; - Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 04/TT-BTTTT.	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Thông tin và Truyền thông	
27.	Thủ tục phát hành thông cáo báo chí	Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/TT-BTTTT	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
28.	Thủ tục cho phép hợp báo (nước ngoài)	- Khoản 2, Khoản 4, Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/TT-BTTTT;	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Thông tin và Truyền thông	
29.	Thủ tục chấp thuận đề nghị trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	- Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/TT-BTTTT.	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Thông tin và Truyền thông	
30.	Thủ tục đề nghị thay đổi trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài đề được chấp thuận	- Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2012/NĐ-CP; - Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 04/TT-BTTTT.	- Ủy ban nhân dân Thành phố - Sở Thông tin và Truyền thông	
31.	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	- Khoản 2 Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; - Điều 3, 4 của Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	
IV. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH				
32.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in	- Điểm b, Khoản 1, Điều 12 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điều 2 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
33.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in	- Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điều 2 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
34.	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in	- Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điều 2 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
35.	Thủ tục đăng ký hoạt động cơ sở in	- Điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điều 2 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
36.	Thủ tục báo cáo định kỳ hoạt động in, dịch vụ photocopy	- Điều 8 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điều 2, Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
37.	Thủ tục đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in màu có chức năng photocopy màu	- Điều 30 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điều 2, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
38.	Thủ tục xác nhận vào đơn chuyển nhượng sử dụng máy photocopy màu, máy in màu có chức năng photocopy màu	Điều 2, Khoản 3, Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
39.	Thủ tục thông báo thanh lý máy photocopy màu, máy in màu có chức năng photocopy màu	Điều 2, Khoản 4, Điều 10 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
40.	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	- Điểm b Khoản 2 Điều 41 Luật Xuất bản; - Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
41.	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	- Điểm b Khoản 1 Điều 25 Luật Xuất Bản; - Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Điều 10 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
42.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản	- Điểm b Khoản 3, Khoản 4 Điều 32 Luật Xuất bản;	Sở Thông tin và	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	phẩm	- Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.	Truyền thông	
43.	Thủ tục cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	- Điểm b Khoản 3, Khoản 6 Điều 32 Luật Xuất bản; - Điều 15 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
44.	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	- Điểm b Khoản 3, Khoản 5 Điều 32 Luật Xuất bản; - Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Điều 14 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
45.	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	- Điểm b Khoản 3, Khoản 8 Điều 32 Luật Xuất bản; - Điều 16 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
46.	Thủ tục đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	- Điều 37 Luật Xuất Bản; - Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Điều 18 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
47.	Thủ tục thông báo thay đổi hoạt động phát hành xuất bản phẩm	- Điều 37 Luật Xuất Bản; - Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
48.	Thủ tục đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm	- Điều 37 Luật Xuất Bản; - Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
49.	Thủ tục đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	- Điều 39 Luật Xuất Bản; - Điều 25 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 23/2014/TT-	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		BTTTT.		
50.	Thủ tục đăng ký bổ sung nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	- Điều 39 Luật Xuất Bản; - Điều 25 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; - Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
51.	Thủ tục cấp giấy phép chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	Điều 23 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP	Sở Thông tin và Truyền thông	
52.	Thủ tục cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	Điều 34 Luật Xuất Bản;	Sở Thông tin và Truyền thông	
53.	Thủ tục cấp phép hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	- Điều 44 Luật Xuất Bản; - Mẫu số 10, 11 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	
V. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN PHÁT				
54.	Thủ tục cấp giấy phép bưu chính	- Điều 21 Luật Bưu chính; - Điều 6, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 2 Quyết định 185/2013/QĐ-BTC.	Sở Thông tin và Truyền thông	
55.	Thủ tục xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	- Điều 25 Luật Bưu chính; - Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 2 Quyết định 185/2013/QĐ-BTC.	Sở Thông tin và Truyền thông	
56.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	- Điều 23 Luật Bưu chính; - Điều 9, Điều 11 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP;	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Khoản 2, Điều 2 Quyết định 185/2013/QĐ-BTC.		
57.	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	- Điều 23 Luật Bưu chính; - Điều 9, Điều 12 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 2 Quyết định 185/2013/QĐ-BTC.	Sở Thông tin và Truyền thông	
58.	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	- Điều 23, Khoản 4 Điều 25 Luật Bưu chính; - Điều 9, Điều 13 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 2 Quyết định 185/2013/QĐ-BTC.	Sở Thông tin và Truyền thông	
59.	Thủ tục thu hồi giấy phép bưu chính	- Điều 24 Luật Bưu chính; - Điều 9 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP.	Sở Thông tin và Truyền thông	
60.	Thủ tục xác nhận thông báo thay đổi hoạt động bưu chính	- Khoản 2 Điều 25 Luật Bưu chính; - Điều 9 Nghị định số 47/2011/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 2 Quyết định 185/2013/QĐ-BTC.	Sở Thông tin và Truyền thông	
VI. LĨNH VỰC HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG QUỐC GIA				
61.	Thủ tục phê duyệt dự toán chi phí bồi thường hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc	Điều 30 của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	Sở Thông tin và Truyền thông	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH				
1.	Thủ tục khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP	Ủy ban nhân dân quận, huyện	
2.	Thủ tục thông báo thay đổi về thông tin đã khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP	Ủy ban nhân dân quận, huyện	
3.	Thủ tục báo cáo định kỳ hoạt động in, dịch vụ photocopy	- Điều 8 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP; - Điểm c, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT.	- Ủy ban nhân dân quận, huyện - Phòng Văn hóa-Thông tin	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5210/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ Xây dựng về Quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5759/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đề án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông);

Căn cứ Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đề án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (quy hoạch hạ tầng kỹ thuật);

Căn cứ công văn số 9679/UBND-ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện dự án khu dân cư tại phường Trường Thọ của Công ty TNHH Thương Mại - Dịch vụ Thiên Phúc Lợi;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3264/TTr-SQHKT ngày 11 tháng 9 năm 2015 về trình duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, với các nội dung chính như sau:

1. Địa điểm, vị trí, ranh giới và diện tích khu vực quy hoạch:

- Địa điểm: phường Trường Thọ, quận Thủ Đức.

- Vị trí: theo bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/500 số 008/2007-CNTĐ do Công ty

TNHH Kiến trúc - Đo đạc Sài Tây lập ngày 09 tháng 01 năm 2007.

- Ranh giới khu đất giáp ranh tứ cận:

+ Phía Đông - Bắc : giáp đường Vành đai 2 - quy hoạch dự phóng (lộ giới 67m).

+ Phía Đông - Nam: giáp đường D5 - quy hoạch dự phóng (lộ giới 30m).

+ Phía Tây - Bắc: giáp khu quy hoạch công viên cây xanh và khu hành chính theo quy hoạch.

+ Phía Tây - Nam: giáp khu dân cư hiện hữu, khu hành chính theo quy hoạch và đường dây điện cao thế đường quy hoạch dự phóng chạy dọc theo đường dây điện cao thế 220KV.

- Diện tích khu đất toàn khu quy hoạch (chưa trừ lộ giới các đường, hẻm liên quan, rạch và hành lang an toàn kỹ thuật theo quy hoạch): 56.270,5m².

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chi tiết:

Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Thiên Phúc Lợi.

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết:

Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật xây dựng Quốc tế I.C.P.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất trích từ đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức.

- Bản đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500.

5. Tính chất, chức năng của khu vực quy hoạch: khu chung cư cao tầng kết hợp trung tâm thương mại.

6. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

6.1. Dự báo quy mô dân số: 2.095 người.

6.2. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Ghi chú
-----	---------------	-------------	----------	---------

1	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	26,86	
2	Đất nhóm nhà ở chung cư (tính trên diện tích đất nhóm nhà ở chung cư)	m ² /người	≥ 7	Đất nhóm nhà ở chung cư bao gồm cả đất cây xanh, vườn hoa, đường giao thông, bãi đỗ xe, sân chơi nội bộ nhóm nhà ở (không bao gồm trường mẫu giáo)
3	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (Trường mẫu giáo)	m ² /người	2,97	
4	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị			
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm m	2.000	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,2	

- Bố trí thêm 01 trung tâm thương mại (quy mô 1,8 ha) trong dự án để tạo thêm động lực phát triển cho khu vực này và thay đổi loại hình nhà ở (từ nhà liên kế có sân vườn thành chung cư cao tầng).

7. Nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch:

Căn cứ đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức đã được phê duyệt: các nguyên tắc cơ bản trong nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu tổ chức phát triển không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, đấu nối hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức và các khu vực xung quanh như sau:

- Ưu tiên bố trí các công trình cao tầng dọc trục giao thông chính có động lực

phát triển (đường Vành đai 2): không gian kiến trúc thấp dần về phía sau đường Vành đai 2 và rạch. Bố trí trung tâm thương mại tại khu vực tiếp giáp mặt tiền đường Vành đai 2.

- Bố trí các khu công viên xen cài giữa các khối chung cư cao tầng, cải tạo điều kiện khi hậu cho các cụm chung cư. Các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, sân chơi - thể dục thể thao,... đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở và các đơn vị ở phù hợp với QCXDVN 01:2008/BXD.

- Đối với việc cải tạo và nắn chỉnh rạch trong khu vực quy hoạch: cần thực hiện theo phương án đã được Sở Giao thông vận tải thống nhất. Về quy hoạch không gian kiến trúc của dự án cần nghiên cứu bố trí cho phù hợp và hài hòa với các rạch này.

8. Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

9. Danh mục các hạng mục công trình trong khu vực quy hoạch chi tiết:

- Trường mẫu giáo (thực hiện theo cơ cấu của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt).

- Trung tâm thương mại.

- Các khối chung cư cao tầng.

- Các khu công viên cây xanh.

10. Hồ sơ sản phẩm của đồ án và tiến độ và tổ chức thực hiện:

10.1. Hồ sơ sản phẩm của đồ án (17 bộ):

- Thuyết minh tổng hợp.

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000.

- Bản đồ hiện trạng vị trí, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500;
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/500; bao gồm:
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.
 - + Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.
 - + Bản đồ hiện trạng môi trường.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
- Các bản vẽ thiết kế đô thị, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/500, bao gồm:
 - + Bản đồ quy hoạch giao thông đô thị.
 - + Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông đô thị).
 - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
 - + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.
 - + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết;
- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết bao gồm thuyết minh,

bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

10.2. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

a) Tiến độ thực hiện: thời gian lập đồ án quy hoạch chi tiết tối đa 06 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

b) Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Thiên Phúc Lợi.
- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật xây dựng Quốc tế I.C.P.
- Cơ quan thẩm định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.

11. Các điểm lưu ý khi nghiên cứu, lập đồ án quy hoạch chi tiết:

- Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết này được phê duyệt và các Quy chuẩn Việt Nam, Quy định về quản lý kiến trúc đô thị được các cơ quan có thẩm quyền ban hành, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, các Quy chế quản lý quy hoạch- kiến trúc đô thị tại khu vực được cấp thẩm quyền phê duyệt; định hướng phát triển không gian; điều kiện và định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại từng khu vực theo đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức đã được phê duyệt, để làm cơ sở xác định các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, kiến trúc công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất trong đồ án quy hoạch chi tiết này.

- Cần căn cứ vào nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong nhiệm vụ quy hoạch chi tiết này được phê duyệt để nghiên cứu tổ chức không gian, kiến trúc cho toàn khu vực lập quy hoạch chi tiết, bố trí công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng trong và ngoài phạm vi đồ án. Nội dung nghiên cứu của đồ án cần đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) tiếp giáp khu vực quy hoạch, phù hợp với đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư Ấp Trường Thọ (một phần khu phố 6 và 8), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức đã được phê duyệt.

- Về việc bố trí nhà ở xã hội - thu nhập thấp trong dự án cần thực hiện Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Tại các khu vực tiếp giáp sông, kênh rạch, cần lưu ý đảm bảo tuân thủ theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp sông, kênh, rạch, ao, hồ, đầm công cộng trong khu vực quy hoạch, cần có thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, ao, hồ, đầm công cộng thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cần lưu ý đảm bảo các yêu cầu trong nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tại các khu vực dọc các trục giao thông chính, các khu vực có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa;

- Hình thức, quy cách thể hiện bản vẽ cần thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định về hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và thực hiện theo Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Thiên Phúc Lợi và đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức.

- Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được phê duyệt này, Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Thiên Phúc Lợi cần tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết trong thời hạn theo quy định để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu dân cư Trường Thọ - phường Trường Thọ, quận Thủ Đức được nêu tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông

vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Thiên Phúc Lợi và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5264/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3,
quận Tân Phú (tài khu đất thuộc ô phố có ký hiệu V.10.2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú;

Căn cứ Quyết định số 5341/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3561/TTr-SQHKT ngày 29 tháng 9 năm 2015 về trình duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú (tại khu đất thuộc ô phố có ký hiệu V.10.2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú (tại khu đất thuộc ô phố có ký hiệu V.10.2), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch: 2.680 m².

- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch: khu đất thuộc ô phố có ký hiệu V.10.2 trên bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú.

+ Phía Đông : giáp hẻm hiện hữu.

+ Phía Tây : giáp đường Tô Hiệu.

+ Phía Nam : giáp khu đất quy hoạch nhóm nhà ở xây dựng mới và trường trung học cơ sở.

+ Phía Bắc : giáp khu dân cư hiện hữu.

2. Lộ giới các tuyến đường có liên quan:

- Đường Tô Hiệu : 29,5m.

- Hẻm tiếp giáp phía Đông khu đất: đường có hẻm giới nhỏ hơn 12m (thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú).

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

4. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú đã được phê duyệt.

- Bản đồ vị trí lô đất, khu đất cần điều chỉnh cục bộ trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Bản đồ điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú.

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Giải pháp, hiệu quả kinh tế-xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Giải pháp điều chỉnh cục bộ quy hoạch: điều chỉnh chức năng sử dụng đất tại khu đất nêu trên từ đất nhóm nhà ở hiện hữu sang đất dự án chung cư cao tầng có bố trí tái định cư.

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

+ Làm cơ sở để Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thực hiện các thủ tục trong đầu tư xây dựng dự án theo quy định.

+ Bổ sung nguồn căn hộ phục vụ tái định cư cho các dự án trọng điểm trên địa bàn quận Tân Phú.

2. Nội dung điều chỉnh:

Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

Loại chỉ tiêu	Theo quy hoạch được duyệt	Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch
Ký hiệu lô đất quy hoạch	V.10.2	V.10.2 và V.10.5
Chức năng sử dụng đất	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang	+ V.10.2: đất nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang + V.10.5 : đất dự án
Diện tích (m ²)	22.168	+ V.10.2 : 19.488 + V.10.5 : 2.680

Mật độ xây dựng (%)	60	+ V.10.2 : 60 + V.10.5 : 40
Tầng cao xây dựng (tầng)	1 - 8	+ V.10.2 : 1 - 8 + V.10.5 : 18
Hệ số sử dụng đất tối đa	1,5	+ V.10.2 : 1,5 + V.10.5 : 7 (Ở: 6; TMDV: 1)
Dân số(người)	-	+ V.10.2 : + V.10.5 : 500
Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	-	+ V.10.2 : + V.10.5 : 4,6

3. Các điểm lưu ý:

- Về tầng cao: số tầng bao gồm các tầng được quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ xây dựng.

- Về chiều cao xây dựng (mét): trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, cần tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý bảo vệ vùng trời Việt Nam.

- Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm nhà ở được tính sau khi quy đổi diện tích sàn các chức năng sử dụng hỗn hợp (dịch vụ, thương mại,...) theo QCVN 01: 2008/BXD.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các đơn vị có liên quan

- Ủy ban nhân dân quận Tân Phú có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú những nội dung điều chỉnh nêu trên. Sau khi rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đồ án này theo định kỳ thời hạn đã được quy định, cần tổng hợp các nội dung điều chỉnh để đưa vào nội dung nghiên cứu điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú (trong đó có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội). Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo quy định.

- Công tác cắm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cắm mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Quyết định này đính kèm các bản vẽ điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 3, quận Tân Phú (tại khu đất thuộc ô phố có ký hiệu V.10.2) được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Trung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hòa và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2015

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý đô thị trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020

Trong thời gian qua, công tác quản lý đô thị được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên để đảm bảo việc phát triển đô thị của Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng định hướng điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn Thành phố. Qua sơ kết 02 năm triển khai thực hiện, Thành phố đã có những chuyển biến tích cực, từng bước hoàn thiện quá trình phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, nâng cao chất lượng và cải tạo môi trường sống cho người dân, đáp ứng nhu cầu các mặt đời sống kinh tế - xã hội như phát triển các khu nhà ở, khu đô thị mới khang trang hiện đại, di dời chỉnh trang các khu dân cư xuống cấp...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đạt được trong quá trình phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, trên địa bàn Thành phố vẫn còn đang xảy ra tình trạng phát triển không đồng bộ, thiếu kết nối theo quy hoạch của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các khu vực trên địa bàn Thành phố. Nhiều dự án đã đưa vào khai thác, kinh doanh, dân cư đã sinh sống ổn định nhưng vẫn chưa đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục công trình giao thông, công trình giáo dục, y tế, khu thể dục thể thao, trạm xử lý nước thải, công viên cây xanh...v.v. Vẫn còn xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông, xây dựng lấn chiếm hành lang sông kênh rạch, san lấp kênh rạch trái phép, san lấp kênh rạch không thay thế bằng hồ điều tiết, cống hộp. Vấn đề an toàn điện, an toàn phòng cháy chữa cháy, quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn Thành phố còn nhiều bất cập.

Các tồn tại trên đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống đô thị như việc ùn tắc giao thông, phát sinh các điểm ngập úng, không đảm bảo các dịch vụ công cộng thiết yếu, xảy ra các tranh chấp về quản lý, sử dụng, vận hành tại các khu chung cư, các dự án nhà ở được xây dựng mới.

Bên cạnh đó, mặc dù các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đã được phân cấp quản lý, nhưng công tác giám sát, kiểm tra chưa thường xuyên, kịp thời, chưa có các quy định cụ thể để xác định trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình quản lý, san lấp kênh rạch, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, quản lý, vận hành nhà chung cư. Để xảy ra các tình trạng nêu trên trước hết thuộc về trách nhiệm của các chủ đầu tư, đồng thời có sự buông lỏng trong công tác quản lý nhà nước của các Sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Để tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, đảm bảo đầu tư đồng bộ trong xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thuộc các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị (bao gồm các dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng...); chấn chỉnh, khắc phục tình trạng xây dựng lấn chiếm hành lang sông, kênh, rạch, san lấp không phép, san lấp kênh rạch không thay thế bằng cống hộp, hồ điều tiết; thống nhất trong quá trình quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn điện, an toàn phòng cháy chữa cháy nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố giao Thủ trưởng các Sở ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các Trưởng ban quản lý khu đô thị mới phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính sau đây:

1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện; Trưởng Ban Quản lý các khu đô thị mới:

a) Rà soát, phân loại, lập danh mục dự án, đánh giá thực trạng tình hình triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị đã và đang triển khai, các công trình xây dựng lấn chiếm, xây dựng trái phép trong hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch trên địa bàn được phân cấp quản lý. Hoàn tất báo cáo gửi Sở Xây dựng.

b) Rà soát, phân loại, lập danh mục dự án, đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp xử lý đối với tình hình triển khai công tác san lấp kênh, rạch thay thế bằng cống hộp, hồ điều tiết và tình hình lấn chiếm hành lang, chỉ giới công trình đã và đang triển khai trên địa bàn được phân cấp quản lý. Đối với khu vực chưa có dự án, thực hiện đánh giá hiện trạng và có đề xuất lập dự án cải tạo kênh rạch, phương án xây dựng

công hợp, hồ điều tiết dự kiến cần phải thực hiện. Hoàn tất báo cáo gửi Sở Giao thông vận tải và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Quản lý khu đô thị mới báo cáo Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lần 1 trước ngày 15 tháng 11 năm 2015 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. Các năm tiếp theo thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng/lần vào ngày 01 tháng 6 và 01 tháng 12 hàng năm gửi Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải).

c) Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ đầu tư dự án về đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và san lấp kênh rạch, đảm bảo việc đầu tư xây dựng theo đúng tiến độ, nội dung tại đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận đầu tư, dự án đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi sai phạm của chủ đầu tư; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất Sở Xây dựng, Sở quản lý chuyên ngành xử lý; đề xuất các biện pháp chế tài đối với các trường hợp chưa có quy định về xử lý đối với các hành vi sai phạm của chủ đầu tư.

d) Khi chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực có san lấp sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng phải có ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tỷ lệ, diện tích hồ điều tiết được thay thế, đảm bảo lưu thông dòng chảy giữa hồ điều tiết với hệ thống sông, kênh, rạch hiện hữu.

e) Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các tổ chức, người dân hiểu và chấp hành các quy định của Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành; theo dõi, kiểm tra và giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý sử dụng nhà chung cư; phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị đang quản lý nhà chung cư, Ban quản trị nhà chung cư để giải quyết các vấn đề liên quan bảo trì, quản lý vận hành nhà chung cư.

2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng:

a) Tổ chức tổng hợp danh mục dự án, tình hình triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trên địa bàn Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và Ban Quản lý khu đô thị mới kiểm tra, xử lý nghiêm các công trình xây dựng

lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch và các sai phạm trong đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

c) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các biện pháp chế tài cụ thể theo quy định của pháp luật, bao gồm tạm dừng, cấm tham gia thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị đối với những chủ đầu tư có dấu hiệu liên tục sai phạm, cố ý không đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

d) Xây dựng kế hoạch giám sát hàng năm việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ đầu tư về việc xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xử lý vi phạm hoặc đề xuất xử lý đối với trường hợp vượt thẩm quyền.

e) Rà soát, thống kê, kiểm tra và lập kế hoạch duy tu, sửa chữa đối với các chung cư cũ trên địa bàn Thành phố. Xây dựng cơ chế chế tài đối với các chủ đầu tư không thực hiện chuyển giao quỹ bảo trì, không bàn giao hồ sơ hoàn công cho Ban Quản trị chung cư và theo dõi thực hiện.

g) Thực hiện nghiêm việc tăng cường đảm bảo an toàn, chất lượng thi công xây dựng công trình, hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng công trình chung cư theo Chỉ thị số 19/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố.

3. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải:

a) Tổ chức tổng hợp danh mục dự án, tình hình triển khai đầu tư, đánh giá thực trạng công tác san lấp kênh rạch thay thế bằng cống hộp, hồ điều tiết đã và đang triển khai trên địa bàn Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân quận - huyện và Ban Quản lý khu đô thị mới kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp rạch không phép, san lấp không thay thế bằng cống hộp, hồ điều tiết theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân Thành phố thay thế Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố, đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ theo từng đoạn, tuyến sông, kênh, rạch theo phù hợp với điều kiện thực tế; Khẩn trương công bố ranh mép bờ cao của sông, kênh, rạch còn lại trên các tuyến quy hoạch thoát nước đô thị và các tuyến giao thông

đường thủy nội địa do Thành phố quản lý trên địa bàn Thành phố, làm cơ sở xác định cấm mốc phạm vi hành lang trên bờ sông, kênh, rạch; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng bờ kè, gia cố các vị trí sạt lở trên địa bàn Thành phố.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các Sở ngành xây dựng Quy chế quản lý tài sản, tài chính, phương thức đầu tư, giám sát vận hành, bảo dưỡng các nhà máy, trạm xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố.

4. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường:

Trên cơ sở mép bờ cao đã được công bố, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện có liên quan tổ chức xác định mốc trên bản đồ địa chính, cắm mốc tại thực địa để xác định hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, hồ và bàn giao cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện có liên quan làm cơ sở để giao đất, cấp phép xây dựng, xử lý vi phạm... đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Giao Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Khi chủ trì tổ chức thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu vực có san lấp sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng phải có ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tỷ lệ, diện tích hồ điều tiết được thay thế, đảm bảo lưu thông dòng chảy giữa hồ điều tiết với hệ thống sông, kênh, rạch hiện hữu.

b) Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ban Quản lý các Khu chức năng đô thị tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kịp thời các quy định thuộc lĩnh vực quản lý quy hoạch đô thị như cấm mốc giới, quản lý mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt san nền. Đồng thời, xây dựng kế hoạch hàng năm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy hoạch đô thị đã được phê duyệt (bao gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết).

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập, công bố quy hoạch hồ điều tiết trên địa bàn Thành phố.

d) Khẩn trương nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố áp dụng cốt nền xây dựng thống nhất trên địa bàn Thành phố.

6. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổ chức tổng hợp danh mục dự án, tình hình triển khai đầu tư, đánh giá thực

trạng lấn chiếm hành lang bảo vệ an toàn cho các tuyến đê thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng “Đề án quy định về vị trí các tuyến đê trong chỉ giới đường sông để đảm bảo thuận lợi khi xây dựng, gia cố, sửa chữa; đồng thời hạn chế tình trạng lấn chiếm hành lang bảo vệ an toàn cho các tuyến đê và tăng dung tích chứa nước khi có mưa, lũ, triều”.

c) Tiếp tục tổ chức thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn Thành phố.

7. Giao Giám đốc Sở Công Thương:

a) Chỉ đạo Tổng Công ty Điện lực Thành phố TNHH tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn về an toàn điện cho khách hàng sử dụng điện theo quy định.

b) Phối hợp với các Sở ngành có liên quan kiểm tra an toàn điện nhằm hướng dẫn chủ đầu tư, Ban quản trị, cư dân khắc phục những thiếu sót để đảm bảo tốt công tác an toàn điện tại các chung cư trên địa bàn Thành phố.

8. Giao Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố:

Chỉ đạo Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các quận - huyện tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia công tác phòng cháy và chữa cháy; tổ chức các đợt kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy nhằm hướng dẫn chủ đầu tư, Ban quản trị, cư dân khắc phục những thiếu sót để đảm bảo tốt công tác phòng cháy và chữa cháy tại các nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

9. Công tác phối hợp và tổ chức thực hiện:

Giao Giám đốc các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có liên quan lập kế hoạch cụ thể, chi tiết thực hiện Chỉ thị này của cơ quan, địa phương mình, phân kỳ chương trình công tác từng quý trong năm; định kỳ 6 tháng/lần vào ngày 01 tháng 6 và 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện của ngành, địa phương cho Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Sở Xây dựng là cơ quan thường trực trong phối hợp hoạt động, theo dõi đôn đốc các Sở ngành, quận - huyện trong thực hiện Chỉ thị này; kịp thời đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả và những kiến nghị, biện pháp xử lý cụ thể trong quá trình thực hiện.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Trưởng Ban quản lý các khu đô thị mới, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5338/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 3923/TTr-SVHTT-VHGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5338/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Số 45-CTr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ Quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống đẹp với 7 đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

- Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa lành mạnh, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; chú ý đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

2. Yêu cầu:

- Quán triệt đến tất cả cán bộ công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân về nội dung cơ bản của Nghị quyết; lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước phải thật sự quyết liệt, có hiệu quả.

- Đẩy mạnh việc đổi mới trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa và đồng thời có giải pháp thực hiện đồng bộ của các ngành, các cấp từ Thành phố đến quận - huyện, phường - xã- thị trấn trong triển khai thực hiện.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể theo từng giai đoạn; đầu tư cho lĩnh vực văn hóa cần tập trung đúng hướng và tương xứng để có hiệu quả lâu dài

- Quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và cán bộ văn hóa ở cơ sở.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng công dân Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, lịch sự, nhân ái, nghĩa tình:

- Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

- Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới Chân - Thiện- Mỹ.

- Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội.

- Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên.

- Nâng cao thể lực, tâm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong cộng đồng; phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái”.

- Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực làm tha hóa con người, ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa và con người phát triển toàn diện.

- Xây dựng con người với tư cách là công dân Thành phố Hồ Chí Minh, biết ứng xử một cách văn minh trên các lĩnh vực:

+ Trong gia đình: kính trên, nhường dưới, yêu thương, gắn bó và có trách nhiệm với gia đình.

+ Nơi công cộng: lịch sự, hòa nhã, nhường nhịn; hình thành thói quen xếp hàng, giúp đỡ những người khó khăn, hoạn nạn; chấp hành luật giao thông, hình thành văn hóa giao thông và vệ sinh môi trường.

+ Nơi cơ quan, công sở: ứng xử có văn hóa, đúng mực giữa cấp trên, cấp dưới, giữa đồng nghiệp với nhau và đặc biệt giữa công chức với nhân dân, giữa nhân viên với khách hàng.

+ Với môi trường: sống hài hòa với tự nhiên, ứng xử thân thiện với môi trường nước, không khí, tham gia bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:

- Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống.

- Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nề nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở: gia đình văn hóa, ấp văn

hóa - khu phố văn hóa, xây dựng phường văn minh đô thị, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới... Đa dạng các giải pháp thực hiện nếp sống văn minh mỹ quan đô thị lồng ghép vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” như: khu phố không rác, xây dựng tuyến đường văn minh - mỹ quan đô thị, tuyến kênh xanh - sạch - đẹp, vận động thực hiện xóa bỏ 6 hành vi không có văn hóa, không phù hợp với nếp sống văn minh đô thị, góp phần xây dựng con người Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới: văn minh - lịch sự - nhân ái - nghĩa tình.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang, việc cưới, lễ hội; nhân rộng các mô hình như: nhà hàng tiệc cưới văn minh - lành mạnh - tiết kiệm, tiết kiệm trong việc tang để thực hiện các hoạt động xã hội từ thiện, thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng dân gian, tôn giáo.

- Trùng tu, tôn tạo ngăn chặn sự xuống cấp, mai một các di sản văn hóa trên địa bàn Thành phố.

- Đầu tư và xây dựng cơ chế hoạt động đồng bộ có hiệu quả của Trung tâm văn hóa xã, liên xã ở 5 huyện ngoại thành, đẩy mạnh chương trình văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, rút ngắn khoảng cách chênh lệch hưởng thụ văn hóa nghệ thuật giữa nội thành và ngoại thành.

- Phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa như: Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục Thể thao quận - huyện, phường - xã vào các thiết chế văn hóa trên địa bàn như điểm sáng văn hóa, các công trình văn hóa trên địa bàn Thành phố.

- Thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng dân gian, tôn giáo và hoạt động lễ hội.

- Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu tập huấn cho cơ sở: “*Văn hóa giao tiếp ứng xử trong gia đình*”; “*Văn hóa giao tiếp ứng xử trong hành chính công*”, “*Văn hóa giao tiếp ứng xử nơi công cộng*”, “*văn hóa giao tiếp trong hành chính công*”, lấy đó làm nội dung cho Chương trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ mới (2016 - 2020).

3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế:

Phát triển văn hóa theo hướng văn minh, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị tinh thần mang nét đặc trưng của nhân dân Thành phố, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa.

3.1. Xây dựng văn hóa trong chính trị

- Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh; đi vào chiều sâu, trở thành nếp sinh hoạt thường xuyên của tổ chức Đảng và Đảng viên, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong Đảng bộ và cán bộ, công chức, viên chức theo phương châm “Tích cực học tập, nỗ lực làm theo”, nhất là 6 phẩm chất “Cần - Kiệm - Liêm - Chính - Chí công - Vô tư”.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo định hướng tư tưởng, chính trị trên tất cả các lĩnh vực, đề cao yếu tố văn hóa và tri thức trong công việc. Trong ứng xử với người dân cần xây dựng văn hóa nụ cười, văn hóa xin lỗi, văn hóa từ chức. Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu “*Giao tiếp ứng xử nơi công sở*”.

3.2. Văn hóa doanh nghiệp

- Thông qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” xây dựng danh hiệu văn hóa trong doanh nghiệp, trong đơn vị.

- Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ gìn chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển của doanh nghiệp, vì sự nghiệp phát triển kinh tế của Thành phố, góp phần khẳng định văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân của Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Xây dựng văn hóa trong kinh tế

- Quan tâm nghiên cứu và phát triển các mô hình văn hóa trong doanh nghiệp, xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam, sản phẩm đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh có uy tín trên thị trường trong nước và

quốc tế, vận động nhân dân và cán bộ công chức thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

- Duy trì hoạt động tôn vinh các doanh nghiệp xã hội, các doanh nhân tiêu biểu và có ý thức cộng đồng trách nhiệm cao, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm của doanh nhân, doanh nghiệp; từ đó thu hồi các danh hiệu và các hình thức khen thưởng trước đó khi phát hiện doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hành vi sai phạm văn hóa đạo đức, đi ngược lại truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động văn hóa:

- Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

- Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội Thành phố.

- Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

- Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước, phát triển Thành phố. Tích cực góp phần xây dựng và phát triển hệ thống lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam; nâng cao chất lượng phản bác, đấu tranh chống các hành vi, các sản phẩm phi văn hóa, độc hại, thiếu chính trị, xuyên tạc chủ trương, quan điểm của Đảng.

- Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích nhân dân sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

- Nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng, đặc biệt quan tâm đến công chúng trẻ, luôn tìm tòi, thử nghiệm để có nhiều tác phẩm nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, kết hợp hài hòa tính dân tộc và hiện đại, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

- Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ.

- Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên mạng Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên.

- Đẩy mạnh hoạt động các phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Hành trình đến với di sản văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh”, tổ chức các hội thi “Tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Thành phố” đến các quận - huyện và cơ sở.

- Triển khai hoạt động kiểm kê các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thành phố, có kế hoạch bảo tồn tiếng nói, chữ viết, phong tục, truyền thống của các dân tộc thiểu số tiêu biểu hiện đang sinh sống trên địa bàn Thành phố như dân tộc Chăm, Hoa, Khmer...

5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa Thành phố

- Tăng cường năng lực quản lý, thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung lựa chọn các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế của Thành phố, xác lập Thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Đẩy mạnh phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, trong đó phấn đấu xây dựng một số trung tâm dịch vụ có tầm cỡ quốc tế.

- Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam, đặc trưng văn hóa Thành phố; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

- Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa.

- Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa.

- Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan; hình thành môi trường cho các tổ chức và cá nhân nhân tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm

dịch vụ văn hóa; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, các doanh nghiệp, doanh nhân tìm hiểu và tham gia thị trường văn hóa; xúc tiến các hoạt động đầu tư cho văn hóa.

- Có kế hoạch cụ thể khảo sát sâu cơ sở vật chất, nhà xưởng trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đội ngũ lao động, tay nghề, đội ngũ sáng tác, nghiên cứu thị trường trong nước khu vực và quốc tế ở các lĩnh vực về công nghiệp văn hóa với thế mạnh của Thành phố Hồ Chí Minh như:

+ Công nghiệp nghe nhìn: đầu tư có hiệu quả các kịch bản hay về phim ảnh, cải lương, tuồng cổ truyền hình, các băng đĩa nhạc, băng đĩa hình... thật sự thu hút góp phần định hướng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa nghệ thuật trong nhân dân.

+ Công nghiệp thời trang: định hướng cho các hoạt động tạo mẫu và lĩnh vực thời trang thông qua hội thi, hội diễn, thời trang mang hơi thở thời đại nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; đầu tư cho ngành công nghiệp thời trang mang dấu ấn của nền văn hóa Việt để vươn ra thế giới.

+ Phát triển ngành công nghiệp giải trí phục vụ du lịch: bằng các chương trình ca nhạc dân tộc; hệ thống bảo tàng, di tích lịch sử, văn hóa, các khu vui chơi giải trí mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp với hoạt động thể thao đa dạng tạo nên sự gắn kết giữa hoạt động văn hóa, văn nghệ với hoạt động vui chơi giải trí và quảng bá du lịch.

6. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại:

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đặc trưng văn hóa Thành phố; đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, văn hóa phẩm xấu, độc hại du nhập từ nước ngoài, tạo nên diện mạo văn hóa lành mạnh cho Thành phố.

- Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước; thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.

- Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra nước ngoài, đa dạng các kênh truyền bá hình ảnh con người Thành phố Hồ Chí Minh văn minh - lịch sự - nhân ái - nghĩa tình; dạy tiếng Việt cho người nước ngoài đang sinh sống, học tập, làm việc tại Thành phố. Đưa các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc vào các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa đặc trưng của Thành phố ra nước ngoài.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thành phố. Mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu cao vai trò gương mẫu, xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ; hạn chế tự do sáng tạo nhưng vẫn đảm bảo văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa đảm bảo quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo.

- Sự gương mẫu của mỗi cán bộ công chức, viên chức và đảng viên là yêu cầu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng; coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Gần dân, hiểu dân, gần bó mật thiết với dân”.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Thành phố.

- Bổ sung chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; có chính sách văn hóa đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số như các dân tộc Chăm, Hoa, Khơ-me.... trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường công tác thanh tra văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn.

- Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, sản phẩm lệch lạc, thị hiếu tầm thường.

- Thực hiện đề tài về “Giữ gìn và phát huy hệ giá trị đạo đức của người dân Thành phố: *văn minh - lịch sự - nhân ái - nghĩa tình* trong hệ giá trị đạo đức của con người Việt Nam”.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa:

- Quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng tài năng trẻ ở lĩnh vực văn hóa nghệ thuật truyền thống, quan tâm chú ý nâng cao năng lực của những người hoạt động nghệ thuật sáng tạo văn hóa, lý luận phê bình văn học nghệ thuật. Xây dựng đội ngũ kế thừa đủ năng lực ở các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu chung trong tình hình mới.

- Quan tâm xây dựng các trường văn hóa, nghệ thuật, tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo. Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

- Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Tiếp tục gửi sinh viên, cán bộ đi đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở các nước phát triển.

- Xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số, có chính sách khuyến khích họ trở về công tác tại địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa.

- Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài, có đức. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù, nghệ thuật dân tộc.

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các nghệ sĩ để họ yên tâm gắn bó với các đơn vị nghệ thuật nhà nước.

4. Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa:

- Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư của Nhà nước, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên một số loại hình nghệ thuật truyền thống cần bảo tồn, gìn giữ và phát huy.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng nông thôn.

- Khuyến khích hình thành các quỹ đào tạo, khuyến học, phát triển nhân tài, quảng bá văn học và nghệ thuật, giữ gìn và phát triển các ngành nghệ thuật dân tộc, hỗ trợ xuất bản ấn phẩm kỹ thuật số, quảng bá mỹ thuật.

- Xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm: cơ quan, công sở, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu dân cư... có thiết chế văn hóa ở cơ sở cho phù hợp (thư viện, nhà văn hóa, công trình thể thao...).

- Đẩy mạnh đầu tư và kêu gọi xã hội hóa cho các bước đi cơ bản, nhằm hình thành một thị trường các sản phẩm văn hóa nghệ thuật vốn là thế mạnh của Thành phố Hồ Chí Minh, hướng đến xuất khẩu các sản phẩm văn hóa.

- Tăng cường đầu tư để đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới.

5. Tăng cường công tác giám sát thực hiện:

- Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Ban chỉ đạo và tổ giúp việc triển khai Chương trình xây dựng và phát triển văn hóa con người Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới (2016 - 2020).

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện, giám sát định kỳ, đột xuất; báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân Thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Văn hóa và Thể thao: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể của Thành phố thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và phát triển văn hóa.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đoàn thể triển khai thực hiện kế hoạch, theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Gắn kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy với Chương trình phát triển nông thôn mới.

- Tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa; thực hiện đạt kết quả văn hóa gắn với gia đình và du lịch.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với nhiệm vụ năm và từng giai đoạn để triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Giao Sở Văn hóa và Thể thao là bộ phận Thường trực giúp Ban Chỉ đạo triển khai Kế hoạch thực hiện chương trình hành động này.

2. Sở Tài chính:

Căn cứ ngân sách hàng năm và tình hình thực tế của Thành phố tham mưu, đề xuất kinh phí cho phù hợp và đảm bảo cho hoạt động văn hóa phát triển; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất bố trí cho phù hợp với nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp ngân sách.

3. Sở Nội vụ:

- Phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng và các dân tộc thiểu số.

- Chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện về tổ chức bộ máy ngành Văn hóa, thể thao; phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa.

4. Sở kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương hàng năm hoặc giai đoạn để tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trên địa bàn Thành phố; xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển

văn hóa, con người Việt Nam nói chung và Thành phố nói riêng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thông tấn báo chí, Đài truyền hình Thành phố, Đài tiếng nói Nhân dân Thành phố đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của nhân dân.

- Phối hợp Sở văn hóa và Thể thao tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí văn hóa; tuyên truyền Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy đến các tầng lớp nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đoàn thể có liên quan tham mưu nội dung xây dựng và phát triển toàn diện con người Thành phố trong giai đoạn mới; trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách cho học sinh; sinh viên và đội ngũ giáo viên. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc và truyền thống của Thành phố.

- Phát huy vai trò và hiệu quả của trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trong việc giáo dục lòng yêu, nâng cao nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống cho thanh thiếu niên trên địa bàn và đẩy mạnh xã hội học tập.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan lập quy hoạch sử dụng đất cho việc xây dựng các thiết chế văn hóa từ Thành phố đến cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động thực hiện xây dựng môi trường văn hóa gắn với môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Ủy ban nhân dân các Quận - Huyện:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Cân đối ngân sách đảm bảo đầu tư thỏa đáng cho hoạt động văn hóa;
- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí;
- Hàng năm, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức thành viên và các đoàn thể phối hợp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện và giám sát quá trình triển khai thực hiện.

10. Các Sở ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện cụ thể hóa Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo điều kiện và đặc thù của từng đơn vị, địa phương theo từng giai đoạn và báo cáo kết quả thực hiện.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN:

- Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2015: các Sở, Ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận-huyện, phường-xã-thị trấn tổ chức tuyên truyền, quán triệt, học tập, thảo luận Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21 tháng 6 năm 2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2016: các Sở, Ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể hóa của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Sau một năm triển khai thực hiện, các Sở, ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận- huyện, phường- xã - thị trấn tổ chức hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm.

- Sau 5 năm thực hiện, tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện và

nhân rộng điển hình tập thể, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện và tiếp tục nâng chất triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn tiếp theo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5348/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Đề án “Thí điểm quảng cáo trên phương tiện giao thông
(xe buýt) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định 280/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chỉ thị số 25/2014/CT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường công tác quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 10234/SGTVT-VTĐB ngày 29 tháng 9 năm 2015 về Đề án “Thí điểm quảng cáo trên phương tiện giao thông (xe buýt) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5230/STP-VB ngày 01 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Thí điểm quảng cáo trên phương tiện giao thông (xe

buýt) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” (đính kèm Đề án). Thời gian thực hiện thí điểm là 01 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan tổ chức thực hiện thí điểm Đề án nêu trên; đồng thời, tổ chức phân tích, đánh giá kết quả thực hiện từ thực tiễn, các ý kiến góp ý và phản biện của người dân trong thời gian thực hiện thí điểm (nếu có) để đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh, hoàn thiện Đề án với các nội dung cụ thể, chặt chẽ và khả thi, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và đặc thù của Thành phố, tiến tới triển khai mở rộng trên tất cả các tuyến xe buýt còn lại.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế Thành phố, Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

ĐỀ ÁN
THÍ ĐIỂM QUẢNG CÁO TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
(XE BUÝT) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5348/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC TIÊU

- Khai thác không gian bên ngoài thân xe buýt để tổ chức cho thuê quảng cáo, qua đó góp phần tăng nguồn thu, giảm bớt kinh phí trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ ngân sách Thành phố; đồng thời, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá các mặt hàng, sản phẩm chất lượng cao được sản xuất trong nước.

- Từng bước thay đổi diện mạo mới cho hệ thống xe buýt Thành phố; nâng cao hình ảnh xe buýt: văn minh, hiện đại, tiện dụng, an toàn... Trước mắt, nâng cao khả năng nhận biết, tiếp cận sử dụng của người dân Thành phố trong việc hưởng ứng tham gia đi lại bằng phương tiện vận tải hành khách công cộng (xe buýt).

II. NỘI DUNG

1. Quy mô thực hiện: Thực hiện thí điểm trên 10 (mười) tuyến xe buýt phổ thông có trợ giá, cụ thể như sau:

S tt	Tên tuyến	M ST	Đơn vị đảm nhận
1	Bến Thành - Bến xe Chợ Lớn	1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
2	Bến Thành - Đầm Sen	11	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
3	Công viên 23/9 - Âu Cơ - Bến xe An Sương	27	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
4	Công viên 23/9 - Chợ Xuân Thới Thượng	28	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
5	Khu dân cư Tân Quy – Khu dân cư Bình Lợi	31	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
6	Bến Thành - Thới An	36	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn

S tt	Tên tuyến	M ST	Đơn vị đảm nhận
			viên Xe khách Sài Gòn
7	Bến Thành - Võ Văn Kiệt - Bến xe Miền Tây	39	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
8	Bến xe Quận 8 - Bến Thành - Bến xe Miền Đông	45	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xe khách Sài Gòn
9	Công viên 23/9 - Khu công nghiệp Tân Bình	69	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
1 0	Bến Thành - Đại học Tôn Đức Thắng	86	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thời gian thí điểm

a) Thời gian thực hiện thí điểm là 01 năm, kể từ ngày Quyết định phê duyệt Đề án “Thí điểm quảng cáo trên phương tiện giao thông (xe buýt) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” có hiệu lực thi hành.

b) Thời gian hợp đồng cho thuê quảng cáo trên thân xe buýt tối đa là 01 năm. Trong quá trình thực hiện, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp, phân tích và đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm từ thực tiễn công tác quảng cáo trên 10 tuyến xe buýt nêu trên để đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phương án triển khai mở rộng trên tất cả các tuyến xe buýt còn lại.

3. Vị trí và diện tích quảng cáo trên thân xe buýt

a) Vị trí quảng cáo: sản phẩm quảng cáo thể hiện trên bề mặt của 02 bên vỏ thân xe buýt kể cả phần cửa xe và phần kính xe (trừ phần vị trí sử dụng để thông tin nhận diện xe buýt, không thể hiện sản phẩm quảng cáo ở mặt trước, mặt sau và trên nóc của xe buýt).

b) Diện tích quảng cáo: sản phẩm quảng cáo không được vượt quá 50% diện tích mỗi bề mặt của vỏ thân xe buýt.

c) Yêu cầu vật liệu: Chất liệu decal quảng cáo phải đảm bảo chất lượng về độ bền, không chịu ảnh hưởng bởi thời tiết, bồi dán không bị nhăn, không ảnh hưởng đến chất lượng của thành xe và mặt kính của xe buýt; phải đảm bảo có thể nhìn xuyên được qua kính xe, không che khuất tầm quan sát của hành khách ở bên trong xe buýt; được cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm định, chứng nhận vật liệu không gây ảnh

hưởng đến hành khách khi phá hủy kính xe buýt, đảm bảo khả năng thoát hiểm, không gây mất an toàn cho hành khách trong trường hợp có sự cố xảy ra.

4. Hình thức, nội dung và màu sắc quảng cáo

a) Nội dung quảng cáo: tuân thủ theo Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012.

b) Sản phẩm quảng cáo: danh mục sản phẩm hoặc loại hình dịch vụ được khuyến khích quảng cáo, phải tuân thủ các Hiệp định hoặc các văn kiện cam kết về thương mại đã ký kết với các tổ chức quốc tế và các nước; đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch đối với các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Khuyến khích quảng cáo các sản phẩm, dịch vụ sản xuất trong nước hoặc cung cấp tại Thành phố như: các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (theo Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ); các sản phẩm thuộc 04 ngành công nghiệp trọng yếu (điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí - chế tạo, hóa dược, chế biến tinh lương thực - thực phẩm); các sản phẩm sản xuất thay thế hàng nhập khẩu; các sản phẩm phục vụ chương trình bình ổn thị trường...

c) Màu sắc quảng cáo: có màu sắc và chất liệu phù hợp với màu của thân xe buýt, các màu sắc chủ đạo (màu nền) không trùng lặp với các hệ thống biển báo giao thông và hạn chế màu đỏ. Quảng cáo không phát sáng, không sử dụng đèn hoặc các chất liệu phát sáng khác.

d) Phương án nhận diện xe buýt: Thực hiện phương án nhận diện trên xe buýt đầy đủ theo quy định.

5. Tuyên truyền quảng bá, phục vụ các đợt cổ động chính trị

a) Tuyên truyền quảng bá, phục vụ các đợt cổ động chính trị trong năm sẽ được thể hiện bằng chữ hoặc âm thanh, thực hiện bên trong thân xe buýt hoặc kết hợp lồng ghép nội dung trên màn hình ti vi được trang bị trên xe buýt.

b) Tuyên truyền thêm các sự kiện chính trị quan trọng khi Thành phố có yêu cầu (thời gian cụ thể sẽ do Sở Văn hóa và Thể thao xác định), dành 10% số lượng xe từng tuyến tuyên truyền bên ngoài thân xe buýt.

c) Kinh phí thực hiện: do doanh nghiệp quảng cáo được chọn thực hiện.

6. Giá cho thuê quảng cáo

a) Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án được quyền thuê đơn vị tư vấn có chức năng nghiên cứu, đề xuất mức giá cho thuê quảng cáo trên xe buýt đối với từng nhóm xe (B40, B55-B60 và B80); thông qua Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải xét duyệt, xác định giá sàn để tổ chức đấu giá.

b) Giá cho thuê quảng cáo chính thức là giá theo hợp đồng được ký với đơn vị quảng cáo trúng đấu giá.

7. Phương án đấu giá

a) Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án được quyền thuê đơn vị tư vấn có chức năng tổ chức đấu giá quảng cáo trên thân xe buýt theo quy định hiện hành.

b) Phương án đấu giá cho thuê quảng cáo trên thân xe buýt là ba gói đấu giá tương ứng với 03 nhóm xe (B40, B55-B60 và B80); thời gian hợp đồng quảng cáo là 01 (một) năm.

c) Đơn vị tham gia đấu giá quảng cáo trên thân xe buýt phải có chức năng về quảng cáo, kinh nghiệm, kỹ thuật và khả năng về tài chính theo quy định hiện hành.

8. Phân phối nguồn thu: Nguồn thu từ quảng cáo trên thân xe buýt sau khi trừ các chi phí quảng cáo (tư vấn thẩm định giá, tư vấn đấu giá) được nộp vào ngân sách Thành phố.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Triển khai thí điểm

Bước 1: Phân loại chủ sở hữu xe, rà soát lại số lượng xe tại thời điểm thực hiện. Các doanh nghiệp (Công ty) và chủ sở hữu xe (Hợp tác xã) có văn bản ủy quyền cho Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án là đơn vị đại diện để làm các thủ tục và tổ chức đấu giá, ký hợp đồng (theo mẫu thống nhất).

Bước 2: Thẩm định giá - Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án tổ chức nghiên cứu, đề xuất giá cho thuê đối với từng loại xe, trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt làm giá sàn để lập hồ sơ mời đấu giá.

Bước 3: Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án tổ chức đấu giá, lựa chọn đơn vị quảng cáo (trên cơ sở kết quả đấu giá), thực hiện thương thảo và ký kết hợp đồng theo quy định.

Bước 4: Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án tổ chức thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết; phối hợp đơn vị quảng cáo thực hiện kế hoạch tổ chức thi công dán sản phẩm quảng cáo; kiểm tra giám sát hoạt động hàng ngày; xử lý các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng...

2. Triển khai mở rộng trên các tuyến xe buýt

Trong quá trình thực hiện thí điểm tổ chức quảng cáo bên ngoài thân xe buýt của 10 tuyến buýt có trợ giá, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp, phân tích và đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm để đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phương án triển khai mở rộng trên tất cả các xe buýt còn lại.

IV. NHIỆM VỤ CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Chỉ định 01 đơn vị có chức năng thuộc Sở trực tiếp thực hiện Đề án. Nội dung nhiệm vụ cụ thể của Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án do Giám đốc Sở Giao thông vận tải quy định, đảm bảo phù hợp với Đề án và các quy định hiện hành.

b) Nghiên cứu, ban hành hợp đồng mẫu để làm cơ sở thương thảo, ký kết với các nội dung cơ bản như sau:

- Hình thức hợp đồng: loại hợp đồng không điều chỉnh giá.
- Hình thức cho thuê: cho thuê trọn gói.
- Thời gian hợp đồng: 01 năm.

c) Phối hợp cùng Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, kiểm tra, giám sát chặt chẽ sản phẩm quảng cáo trước và sau khi thực hiện trên phương tiện giao thông (xe buýt), đảm bảo nội dung, hình thức, màu sắc quảng cáo không gây phản cảm và tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành.

d) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi, nộp kinh phí quảng cáo trên thân xe buýt vào ngân sách theo quy định.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xét duyệt giá sàn làm cơ sở tổ chức đấu giá quảng cáo.

3. Cục thuế Thành phố: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có thực hiện và nhận quảng cáo trên xe buýt kê khai nộp thuế theo đúng quy định của các Luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân hiện hành.

4. Sở Văn hóa và Thể thao: Thực hiện quản lý nhà nước về quảng cáo trên phương tiện vận tải hành khách hành khách công cộng bằng xe buýt.

5. Sở Công thương: Phối hợp, hỗ trợ Sở Giao thông vận tải và Sở Văn hóa và Thể thao trong việc tổ chức kiểm tra sản phẩm quảng cáo trên thân xe buýt.

6. Các đơn vị vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (chủ sở hữu xe):

a) Thực hiện việc ký giấy ủy quyền cho Cơ quan trực tiếp thực hiện Đề án để thực hiện đấu giá.

b) Lựa chọn, ưu tiên bố trí loại xe buýt đảm bảo chất lượng về vận hành, khí thải; được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ người khuyết tật (nếu có) để đảm nhận trên các tuyến buýt thí điểm quảng cáo. Lực lượng tài xế, tiếp viên hoạt động trên xe buýt phải được đào tạo, trang bị đầy đủ kiến thức về nghiệp vụ, có đạo đức, thái độ vui vẻ, hòa nhã trong công việc.

c) Có trách nhiệm thực hiện phương án nhận diện trên xe buýt đầy đủ và đảm bảo theo quy định.

d) Phối hợp với đơn vị quảng cáo thực hiện tuyên truyền cổ động trong và ngoài thân xe buýt theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành; có trách nhiệm tuân thủ và hợp tác với các cơ quan chức năng trong vấn đề điều động xe, tổ chức dán, cải tạo decal quảng cáo, phục hồi hiện trạng sau quảng cáo...

7. Công ty quảng cáo

a) Tuân thủ các quy định hiện hành và các điều kiện được thể hiện trong hợp đồng quảng cáo.

b) Thực hiện quảng cáo đúng theo các quy định pháp luật về quảng cáo và các quy định khác có liên quan.

c) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và đơn vị vận tải xây dựng kế hoạch tổ chức thi công, tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa liên quan đến công tác quảng cáo bên ngoài xe, đảm bảo phương tiện luôn được sạch sẽ, thẩm mỹ, góp phần xây dựng hình ảnh xe buýt hiện đại, văn minh.

d) Tuân thủ và tích cực hợp tác tốt trong vấn đề thi công quảng cáo, tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến chất lượng và hoạt động của xe buýt.

đ) Thực hiện việc tuyên truyền quảng bá cổ động chính trị bên trong và bên ngoài thân xe buýt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

e) Toàn bộ kinh phí trong việc thực hiện tổ chức quảng cáo, thực hiện tuyên truyền quảng bá, phục vụ các đợt cổ động chính trị và vệ sinh thân xe buýt do đơn vị quảng cáo được chọn đảm nhận.

f) Mọi vướng mắc, tranh chấp phát sinh cần cố gắng giải quyết thông qua hình thức thương lượng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG

THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

Số: 5352/QĐ-BCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng
Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai
và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh**

TRƯỞNG BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Công văn số 156/PCTT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3765/TTr-SNV ngày 05 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 01/QĐ-PCLB ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Thường trực

Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5352/QĐ-BCH ngày 22 tháng 10 năm 2015
của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và chế độ làm việc, phối hợp công tác của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố trong công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra, thực hiện quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định; được sử dụng bộ máy, nhân sự của Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão để hoạt động, thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Trụ sở của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (sau đây gọi tắt là Văn phòng Thường trực) đặt tại Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Văn phòng Thường trực có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương II**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC
BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ
TÌM KIẾM CỨU NẠN THÀNH PHỐ****Điều 4. Văn phòng Thường trực có nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Tham mưu giúp Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị chỉ đạo về công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

b) Phối hợp với sở - ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

c) Kiểm tra, đôn đốc, xem xét đề xuất đầu tư, sửa chữa, vận hành công trình phòng, chống thiên tai, tập huấn, diễn tập, huấn luyện và trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của các địa phương, đơn vị.

d) Xây dựng kế hoạch, phương án, đề án, kịch bản phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; triển khai thực hiện các chế độ, chính sách, quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

đ) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc điều động, trưng dụng lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương và tỉnh bạn để phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và pháp luật có liên quan.

e) Tổng hợp thiệt hại, nhu cầu cứu trợ và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các biện pháp và nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai trong phạm vi Thành phố.

g) Đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

2. Xác định, đánh giá phân vùng rủi ro thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai; xây dựng, cập nhật các loại bản đồ phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra. Xây dựng và vận hành các công cụ hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu thiên tai.

3. Triển khai Kế hoạch tập huấn, huấn luyện, đào tạo, diễn tập về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra; xây dựng tài liệu, phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về pháp luật và kiến thức phòng, chống thiên tai và tổ chức thực hiện sau khi được Trưởng ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố phê duyệt.

4. Triển khai công tác quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán, công khai kết quả thu Quỹ và báo cáo quyết toán thu - chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và các quy định của pháp luật liên quan.

5. Theo dõi, cập nhật các thông tin về tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, thiên tai; thực hiện công tác dự báo, cảnh báo đến các đơn vị, địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó.

6. Thực hiện nhiệm vụ trực ban theo quy định; thường xuyên báo cáo, thông tin tình hình chỉ đạo và kết quả thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả sự cố thiên tai trên địa bàn Thành phố.

7. Quản lý công văn, tài liệu; quản lý con dấu, tài sản, tài chính của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định.

8. Tham mưu phương án điều hành hồ, liên hồ để tham gia cắt lũ, giảm lũ trong phạm vi cho phép của quy trình vận hành được Thủ tướng Chính phủ quy định.

9. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu, báo cáo phục vụ các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

10. Cập nhật, quản lý trang thông tin điện tử của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban và Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY LÀM VIỆC**

Điều 5. Cơ cấu tổ chức, bộ máy làm việc

1. Lãnh đạo Văn phòng Thường trực có Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng.

a) Chánh Văn phòng do Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão Thành phố kiêm nhiệm, đồng thời là Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh). Chánh Văn phòng điều hành hoạt động của Văn phòng Thường trực, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và trước pháp luật về hoạt động của Văn phòng Thường trực.

b) Các Phó Chánh Văn phòng do các Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão Thành phố kiêm nhiệm. Phó Chánh Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chánh Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng theo Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

3. Văn phòng Thường trực có các bộ phận chuyên môn giúp việc do Chánh Văn phòng phân công; được sử dụng bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị của Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, PHỐI HỢP VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

Văn phòng Thường trực sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão để làm việc và được hưởng chế độ kiêm nhiệm theo quy định.

Điều 7. Chế độ trực ban

1. Văn phòng Thường trực tổ chức trực ban nghiêm túc, đúng quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2014 về ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm và chế độ trực ban 24/24 giờ.

2. Cán bộ, nhân viên tham gia trực ban được hưởng chế độ phụ cấp, bồi dưỡng theo quy định.

Điều 8. Mối quan hệ của Văn phòng Thường trực

1. Đối với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Văn phòng Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Chi cục Phòng chống thiên tai khu vực Miền Nam: Văn phòng Thường trực chịu sự chỉ đạo về chuyên ngành và có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Đối với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): Văn phòng Thường trực chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và đề xuất, tham mưu kịp thời những vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

3. Đối với các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, các sở - ngành, các cơ quan đóng trên địa bàn Thành phố: Văn phòng Thường trực có trách nhiệm liên hệ, phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố: Văn phòng Thường trực có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời và đề xuất những vấn đề liên

quan đến công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện: Văn phòng Thường trực có trách nhiệm phối hợp triển khai, hỗ trợ, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai gây ra.

Chương V

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Kinh phí hoạt động

1. Văn phòng Thường trực được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước, Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố và các nguồn tài chính khác để đảm bảo các điều kiện làm việc nhằm phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; công tác tổ chức trực ban, kiểm tra, dự báo, cảnh báo, theo dõi, nắm tình hình, diễn biến khí tượng - thủy văn, thiên tai, thu Quỹ Phòng, chống thiên tai, triển khai Kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và các hoạt động khác phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

2. Đối với kinh phí phục vụ hoạt động thường xuyên của Văn phòng Thường trực do ngân sách Thành phố đảm bảo (thông qua Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) theo dự toán được duyệt hàng năm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

3. Cán bộ, công chức, viên chức của Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão tham gia thực hiện nhiệm vụ tại Văn phòng Thường trực được thanh toán theo chế độ kiêm nhiệm, làm thêm giờ, trực ban, công tác phí và các chế độ khác theo quy định.

Điều 10. Các khoản kinh phí cấp cho Văn phòng Thường trực do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thống nhất với Sở Tài chính trình Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, phê duyệt.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 11. Văn phòng Thường trực có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này, đồng thời tổng hợp những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung báo cáo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố xem xét, quyết định./.

TRƯỞNG BAN
PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Lê Thanh Liêm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng